

BÁO CÁO
Tình hình, kết quả cải cách thủ tục hành chính
tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2024

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao¹, trên cơ sở báo cáo của các bộ, ngành, địa phương và dữ liệu từ Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (DVCQG), Văn phòng Chính phủ báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tình hình, kết quả thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC) tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2024 như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quan tâm, chỉ đạo sát sao công tác cải cách hành chính nói chung, cải cách TTHC nói riêng và thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, với phương châm lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm phục vụ. Đặc biệt, tại Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2024, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã thống nhất đánh giá công tác cải cách TTHC là một trong những nội dung được chỉ đạo quyết liệt, ưu tiên về thời gian và nguồn lực thực hiện; đồng thời, đã quyết nghị nhiều nhiệm vụ trọng tâm, trong đó, yêu cầu các bộ, ngành, địa phương tiếp tục cắt giảm TTHC, nhất là tập trung sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) để tổ chức thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định TTHC đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bảo đảm thực chất, hiệu quả².

Thủ tướng Chính phủ đã kịp thời chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh cải cách TTHC, nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC phục vụ người dân, doanh nghiệp³; triển khai Sổ sức khỏe điện tử và cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua ứng dụng VneID trên toàn quốc⁴. Bên cạnh đó, đã kiện toàn thành viên Tổ công tác cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ⁵, phân công Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ là Tổ trưởng tổ công tác, tiếp tục phát huy vai trò của Tổ công tác trong việc chỉ đạo, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương thực hiện các mục tiêu,

¹ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 09/01/2024 của Chính phủ; Công điện số 644/CD-TTg ngày 13/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

² Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 08/9/2024 của Chính phủ.

³ Công văn số 727/TTg-KSTT ngày 01/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

⁴ Tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc ngày 02/10/2024.

⁵ Quyết định số 998/QĐ-TTg ngày 17/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

nhiệm vụ và giải pháp về cải cách TTHC, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và nâng cao năng lực phản ứng chính sách.

2. Về cải cách quy định TTHC

a) Kết quả kiểm soát quy định TTHC trong dự án, dự thảo VBQPPL

Trong tháng, các bộ, ngành, địa phương đã thực hiện đánh giá tác động đối với **87** TTHC tại **13** dự thảo VBQPPL⁶, thẩm định **92** TTHC quy định tại **25** dự thảo VBQPPL⁷; Văn phòng Chính phủ đã thực hiện thẩm tra đối với **83** TTHC, **01** QĐKD tại **07** dự thảo VBQPPL⁸, trong đó, đề nghị không quy định **10** TTHC, sửa đổi, bổ sung **36** TTHC. Tính trong 9 tháng, có **1.036** TTHC tại **149** dự thảo VBQPPL được đánh giá tác động và **1.407** TTHC tại **210** dự thảo VBQPPL được thẩm định; có **430** TTHC, **37** QĐKD tại **43** VBQPPL được thẩm tra, trong đó đã đề nghị không quy định **24** TTHC, **01** QĐKD, sửa đổi, bổ sung **251** TTHC, **17** QĐKD (chiếm 62,7%).

Về việc ban hành TTHC, trong tháng có **15** TTHC được ban hành mới, **18** TTHC được sửa đổi, bổ sung và **30** TTHC được bãi bỏ tại **15** VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của **06** bộ, cơ quan⁹; có **02** TTHC ban hành mới tại **01** VBQPPL thuộc thẩm quyền của thành phố Đà Nẵng (Chi tiết tại Phụ lục I). Tính trong 9 tháng, các bộ, ngành đã ban hành và trình cấp có thẩm quyền ban hành mới **280** TTHC, sửa đổi, bổ sung **1.151** TTHC, bãi bỏ **354** TTHC tại **251** VBQPPL; các địa phương đã ban hành mới **19** TTHC, sửa đổi, bổ sung **01** TTHC, bãi bỏ **29** TTHC tại **13** VBQPPL. Đến nay, tổng số TTHC thuộc phạm vi quản lý và thẩm quyền giải quyết của các bộ, ngành, địa phương được công khai trên Cổng DVCQG là **6.369** TTHC.

Văn phòng Chính phủ đã tổng hợp **221** TTHC, quy định kinh doanh (QĐKD) cần cắt giảm, đơn giản hóa đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại **32** Luật gửi Bộ Tư pháp - cơ quan thường trực Ban chỉ đạo rà soát, xử lý vướng mắc trong hệ thống VBQPPL để thúc đẩy thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa¹⁰. Đồng thời, đã xây dựng dự thảo Nghị quyết của Chính phủ phê duyệt Chương trình cắt giảm giấy phép và đổi mới hoạt động cấp phép tại bộ, ngành, địa phương giai đoạn 2025 - 2030, gửi xin ý kiến các bộ, địa phương, cơ quan có liên quan trước khi trình Chính phủ xem xét, quyết định¹¹.

b) Kết quả cắt giảm, đơn giản hóa quy định, TTHC

(1) Về cắt giảm, đơn giản hóa QĐKD theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ:

Gồm: 01 Luật, 05 Nghị định, 02 Thông tư, 01 Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh, 04 Quyết định của UBND tỉnh.

Gồm: 03 Luật, 01 Nghị định, 05 Thông tư, 16 Quyết định của UBND tỉnh.

Gồm: 03 Luật, 04 Nghị định

06 bộ, cơ quan gồm: Công Thương, Giao thông vận tải, Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Ngân hàng Chính sách xã hội.

Công văn số 6866/VPCP-KSTT ngày 26/9/2024 của Văn phòng Chính phủ

Công văn số 7082/VPCP-KSTT ngày 02/10/2024 của Văn phòng Chính phủ

Trong tháng, các bộ, cơ quan tiếp tục tập trung thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa QĐKD. Tính 9 tháng đầu năm, các bộ, cơ quan đã cắt giảm, đơn giản hóa **251** QĐKD¹² tại **27** VBQPPL¹³.

Tính từ năm 2021 đến nay, **18** bộ, cơ quan đã cắt giảm, đơn giản hóa **3.026** QĐKD (gồm: 1.616 TTHC, 181 yêu cầu điều kiện, 96 chế độ báo cáo, 164 quy chuẩn, tiêu chuẩn và 969 mặt hàng kiểm tra chuyên ngành) tại **262** VBQPPL¹⁴ trên tổng số **15.801** QĐKD, đạt **19,1%** (Chi tiết tại Phụ lục II).

(2) Về phân cấp trong giải quyết TTHC theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ:

Trong tháng, các bộ, ngành tiếp tục rà soát các VBQPPL để thực thi các phương án phân cấp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg. Tính trong 9 tháng, tổng số TTHC đã được các bộ, ngành phân cấp là **142** TTHC tại **24** VBQPPL¹⁵.

Tính từ năm 2022 đến nay, đã có **19/21** bộ, cơ quan thực hiện phân cấp **295/699** TTHC tại **56** VBQPPL (không bao gồm 03 TTHC do các bộ chủ động phân cấp). Trong đó, 03 cơ quan đã thực hiện phân cấp đạt 100%, 08 bộ đạt từ 50% trở lên, 08 bộ đạt dưới 50%, 02 bộ (Khoa học và Công nghệ, Ngoại giao) chưa thực hiện phân cấp theo phương án đã được phê duyệt. Tổng số TTHC còn tiếp tục phải thực hiện phân cấp là **404** TTHC (184 TTHC tại 31 Luật thuộc thẩm quyền của Quốc hội, 220 TTHC tại 124 VBQPPL thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ) (Chi tiết tại Phụ lục III).

(3) Về đơn giản hóa TTHC nội bộ theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ:

Trong tháng, Bộ Tài chính đã sửa đổi, bổ sung **11** TTHC nhóm A; các địa phương (gồm: Cần Thơ, Đà Nẵng, Gia Lai, Quảng Ngãi) đã phê duyệt, thực thi một số phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ.

Đến nay, các bộ, ngành đã đơn giản hóa **95** TTHC nội bộ, đang tiếp tục thực hiện đơn giản hóa **83** TTHC nội bộ được Thủ tướng Chính phủ và các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ phê duyệt phương án theo thẩm quyền; các địa phương đã đơn giản hóa **376** TTHC nội bộ, đang tiếp tục thực hiện đơn giản hóa **541** TTHC nội bộ được Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh phê duyệt phương án theo thẩm quyền.

(4) Về thực hiện 19 Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư:

Trong tháng, các bộ, ngành tiếp tục thực hiện đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư. Tính trong 9 tháng, đã đơn giản hóa **278** TTHC tại **27** VBQPPL¹⁶.

Gồm: 231 TTHC, 11 yêu cầu điều kiện, 09 chế độ báo cáo

Gồm: 02 Luật, 06 Nghị định, 18 Thông tư, Thông tư liên tịch và 01 văn bản khác.

Gồm: 17 Luật, 72 Nghị định, 04 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 167 Thông tư, thông tư liên tịch và 02 văn bản khác

Gồm: 11 Nghị định và 13 Thông tư.

Gồm: 10 Nghị định và 17 Thông tư.

Tính đến nay, các bộ, ngành đã đơn giản hóa **859** TTHC được giao tại 19 Nghị quyết chuyên đề, đạt **79%**; trong đó, có **07** bộ, cơ quan¹⁷ hoàn thành 100%, **10** bộ, cơ quan đạt trên 50%¹⁸; **02** bộ đạt dưới 50%¹⁹. Còn **225** TTHC cần tiếp tục đơn giản hóa tại 01 Luật, 16 Nghị định, 10 Thông tư liên tịch và 20 Thông tư (*Chi tiết tại Phụ lục IV*).

(5) Về thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định, TTHC liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp theo Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ.

Trong tháng, Bộ Nội vụ đã trình Chính phủ ban hành 01 Nghị định²⁰ để cắt giảm, đơn giản hóa 02 TTHC liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp; các bộ, cơ quan đang tập trung rà soát các VBQPPL để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định, TTHC liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp theo Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ (*Chi tiết tại Phụ lục V*).

3. Về cải cách việc thực hiện TTHC

a) Các chỉ số đánh giá chất lượng trong thực hiện TTHC, dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)²¹

(1) Chỉ số công khai, minh bạch trong thực hiện TTHC: Tại các bộ, ngành, tỷ lệ TTHC cập nhật, công khai đúng hạn đạt 16,45%, tỷ lệ đồng bộ, công khai quá trình giải quyết hồ sơ TTHC đạt 23% (1.538.690/6.572.069 hồ sơ); tại các địa phương, tỷ lệ TTHC cập nhật, công khai đúng hạn đạt 66,03%, tỷ lệ đồng bộ, công khai quá trình giải quyết hồ sơ TTHC đạt 64,3% (2.023.278 /3.146.653 hồ sơ).

(2) Chỉ số về tiến độ, kết quả giải quyết TTHC: Tỷ lệ hồ sơ TTHC xử lý đúng hoặc trước hạn tại bộ, ngành đạt 5,72% (88.013/1.538.690 hồ sơ) và tại các địa phương đạt 82,88% (1.676.892/2.023.278 hồ sơ).

(3) Chỉ số về cung cấp dịch vụ trực tuyến: Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến tại các bộ, ngành đạt 47,36% (736.993/1.555.997 hồ sơ); tại các địa phương đạt 52% (1.050.789/2.023.278 hồ sơ). Tỷ lệ TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến tại các bộ, ngành đạt 40,39% (145/359 TTHC), (tại các địa phương đạt 52,14% (695/1.333 TTHC); tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến trên tổng số hồ sơ có yêu cầu nghĩa vụ tài chính tại các bộ, ngành đạt 30,78% (40.704/132.221 hồ sơ), tại các địa phương đạt 45,06% (813.604/1.805.453 hồ sơ).

(4) Chỉ số về số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC: Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại các bộ, ngành đạt 47,7% (737.229/1.545.458 hồ sơ), tại các địa phương đạt 59,73% (1.208.503/2.023.278 hồ sơ); tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả bản điện tử có giá trị pháp lý để tái sử dụng tại các bộ, ngành đạt 48,02% (742.186

07 bộ, ngành gồm: Công an, Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

10 bộ, ngành gồm: Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Ngoại giao, Y tế, Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Quốc phòng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

02 bộ, ngành gồm: Tài chính và Tư pháp

Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023 quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức.

Số liệu phân tích theo Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên Cổng DVCQG tại thời điểm ngày 27/8/2024.

kết quả giải quyết TTHC/1.545.458 kết quả cần cấp), tại các địa phương đạt 59,73% (1.208.503 kết quả giải quyết TTHC/2.023.278 kết quả cần cấp); tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu số hóa tại các bộ, ngành đạt 2,26% (34.887/1.543.672 hồ sơ), tại các địa phương đạt 17,50 (363.6872.078.21 hồ sơ).

b) Kết quả đánh giá chất lượng thực hiện TTHC, DVCTT

Trong tháng, về đánh giá chất lượng thực hiện TTHC, DVCTT đối với các bộ, ngành: không có điểm đánh giá **Khá**, 05 bộ có điểm đánh giá **Trung bình**, còn lại các bộ, cơ quan đều có điểm đánh giá **Dưới trung bình**; đối với các địa phương: 08 địa phương có điểm đánh giá **Tốt** (*Phú Yên, Bình Định, Cà Mau, Bắc Giang, Bình Phước, An Giang, Hưng Yên, Hà Giang*), 36 địa phương có điểm đánh giá **Khá**, 16 địa phương có điểm đánh giá **Trung bình** và 03 địa phương có điểm đánh giá **Dưới trung bình** (*Chi tiết tại Phụ lục VI*).

4. Về triển khai thí điểm Mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh²²

Thực hiện nhiệm vụ được giao về việc triển khai thí điểm Mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc UBND cấp tỉnh, đến nay 04 địa phương: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Quảng Ninh đã xây dựng, hoàn thiện Đề án Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua. Trong đó, Hội đồng nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã thông qua Dự thảo Nghị quyết về việc thí điểm thành lập Trung tâm phục vụ hành chính công TP. Hồ Chí Minh; Hội đồng nhân dân TP Hà Nội và tỉnh Quảng Ninh dự kiến sẽ cho ý kiến tại Kỳ họp tháng 10 năm 2024. Tại Hà Nội đã thành lập Tổ công tác liên ngành để tái cấu trúc quy định TTHC và hoàn thiện hệ thống thông tin giải quyết TTHC của địa phương²³.

Theo đề xuất của Bộ Nội vụ²⁴ và UBND tỉnh Bắc Ninh²⁵ về việc cho phép Bắc Ninh tham gia thực hiện thí điểm mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc UBND cấp tỉnh, Văn phòng Chính phủ đã báo cáo Phó Thủ tướng Thường trực Nguyễn Hòa Bình và được Phó Thủ tướng đồng ý²⁶ bổ sung nội dung này vào dự thảo Nghị quyết Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 đề xin ý kiến các thành viên Chính phủ. Theo đó, tại dự thảo Nghị quyết giao “UBND tỉnh Bắc Ninh tổ chức triển khai thí điểm mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc UBND cấp tỉnh là cơ quan hành chính có chức năng tiếp nhận, giải quyết và kiểm soát, theo dõi, đánh giá thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công trên địa bàn tỉnh theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ, thời gian thực hiện thí điểm từ tháng 11 năm 2024 đến ngày 30 tháng 11 năm 2025, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 12 năm 2025”.

5. Kết quả tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị

a) Về tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính

Theo Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.
Quyết định số 4822/QĐ-UBND ngày 13/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội
Tại Báo cáo số 5513/BC-BNV ngày 10/9/2024 của Bộ Nội vụ
Tại Công văn số 356/UBND-NC ngày 26/9/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh
Phiếu trình số 11641/PTr-KSTT ngày 17/9/2024 của Văn phòng Chính phủ

Trong tháng, các bộ, ngành, địa phương đã tiếp nhận **10.374** PAKN về quy định và hành vi hành chính (*Giảm 3.976 PAKN so với tháng 7/2024*), nâng tổng số PAKN phải xử lý là **40.628** PAKN (*gồm 30.254 PAKN từ tháng trước chuyển sang*).

Các bộ, ngành, địa phương đã xem xét, xử lý tổng số **6.343/40.628** PAKN, đạt **16%**, tăng 4% so với tháng 7/2024 (*Chi tiết tại Phụ lục VII*).

b) Tình hình, kết quả xử lý đối với kiến nghị của thành viên Hội đồng tư vấn cải cách TTHC gửi Tổ công tác cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ

Trong tháng, các bộ, ngành, địa phương đã xem xét, xử lý theo thẩm quyền đối với **111** kiến nghị, đề xuất của thành viên Hội đồng tư vấn cải cách TTHC, nâng tổng số kiến nghị, đề xuất được xem xét, xử lý trong 9 tháng năm 2024 là **180/204** đề xuất, kiến nghị, còn **24** đề xuất, kiến nghị thuộc phạm vi xử lý của **04** bộ, ngành, địa phương²⁷ đang được nghiên cứu, xem xét trả lời (*Chi tiết tại Phụ lục VIII*).

c) Về những đề xuất, kiến nghị của các bộ, ngành, địa phương tại Báo cáo tình hình, kết quả cải cách TTHC hằng tháng

Trên cơ sở tổng hợp đề xuất, kiến nghị cụ thể của các bộ, ngành, địa phương tại Báo cáo tình hình, kết quả cải cách TTHC tháng 9 năm 2024 (*các kiến nghị chủ yếu tập trung về việc đề nghị hướng dẫn một số nội dung liên quan đến việc thực hiện đánh giá theo Bộ Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ...*), Văn phòng Chính phủ đã nghiên cứu và trả lời đối với những đề xuất, kiến nghị theo thẩm quyền (*Chi tiết tại Phụ lục IX*); đồng thời, tổng hợp, gửi các bộ, cơ quan nghiên cứu, trả lời các đề xuất, kiến nghị thuộc thẩm quyền (*Chi tiết tại Phụ lục X*).

Trong 8 tháng đầu năm 2024, Văn phòng Chính phủ đã chuyển tổng số **215** đề xuất, kiến nghị tại các Báo cáo tình hình, kết quả cải cách TTHC hằng tháng để các bộ, ngành nghiên cứu, trả lời. Đến nay, các bộ đã xem xét, trả lời **150/215** đề xuất, kiến nghị (*đạt 70%*), trong đó có **06** bộ, ngành đã hoàn thành 100%²⁸. Đối với **65** đề xuất, kiến nghị còn lại thuộc phạm vi xử lý của **13** bộ²⁹ đang được tiếp tục nghiên cứu, trả lời (*Chi tiết tại Phụ lục XI*).

6. Công tác truyền thông về cải cách TTHC

Các cơ quan thông tấn, báo chí đã tích cực, chủ động thực hiện các tin, bài, phóng sự... về công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong cải cách TTHC, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh³⁰. Bên cạnh đó, tiếp tục duy trì thông tin đa dạng, sinh động chuyên mục “Chính sách và

04 bộ, ngành, địa phương: Tài chính (20 ĐXKN), Thông tin và Truyền thông (01 ĐXKN), Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (01 ĐXKN), TP. HCM (02 ĐXKN).

06 bộ, ngành gồm: Khoa học và Công nghệ, Nội vụ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ngoại giao, Tư pháp, Ủy ban Dân tộc.

Gồm các Bộ: Tài nguyên và Môi trường (20 ĐXKN), Y tế (09 ĐXKN), Tài chính (08 ĐXKN), Công Thương (06 ĐXKN), Công an (06 ĐXKN), Giáo dục và Đào tạo (04 ĐXKN), Giao thông vận tải (03 ĐXKN), Xây dựng (02 ĐXKN), Lao động - Thương binh và Xã hội (02 ĐXKN), Kế hoạch và Đầu tư (02 ĐXKN), Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (02 ĐXKN), Thông tin và Truyền thông (01 ĐXKN).

Trong tháng 9/2024, Thông tấn xã Việt Nam đã thực hiện 343 tin, bài, ảnh, chùm ảnh, phóng sự bằng các loại hình và đăng phát trên nhiều nền tảng thông tin. Đặc biệt, đã thông tin chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ trong việc cắt giảm TTHC, xóa bỏ cơ chế xin cho, giảm các khâu trung gian tại Phiên họp thứ 3 của Ban chỉ đạo rà soát, xử lý vướng mắc trong hệ thống VBQPPL.

Cuộc sống”, “Người dân và Chính phủ” và đăng tải các tin, bài, phóng sự chuyên sâu trên dòng sự kiện “Cải cách hành chính”... góp phần đưa nội dung về cải cách TTHC đến gần hơn với người dân, doanh nghiệp.

Văn phòng Chính phủ đã kịp thời cung cấp thông tin, tuyên truyền về công tác cải cách TTHC, cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC...; mời các cơ quan thông tấn, báo chí đưa tin, bài về kết quả tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn về công tác này.

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Những mặt đạt được

Trong tháng 9 và 9 tháng năm 2024, dưới sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, cùng với sự nỗ lực, chủ động của các bộ, ngành, địa phương trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao, công tác cải cách TTHC đã có một số kết quả đáng ghi nhận. Việc rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, QĐKD, phân cấp trong giải quyết TTHC tiếp tục được tập trung thực hiện. Chất lượng giải quyết TTHC, cung cấp DVCTT phục vụ người dân, doanh nghiệp có chuyển biến tích cực với nhiều chỉ số tăng so với năm 2023³¹.

Tổ công tác cải cách TTHC đã phát huy tốt vai trò giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về cải cách TTHC thông qua việc tổ chức 03 phiên họp toàn thể³², 01 buổi làm việc với 03 bộ, 08 địa phương theo hình thức trực tuyến để đánh giá kết quả và chỉ đạo, thúc đẩy việc thực hiện cải cách TTHC³³.

2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, nhiều tồn tại, hạn chế trong công tác cải cách TTHC đã được Văn phòng Chính phủ tổng hợp, nêu tại các báo cáo cải cách TTHC hằng tháng, chưa được một số bộ, ngành, địa phương tập trung thực hiện đầy đủ, kịp thời, cũng như giải quyết dứt điểm, cụ thể là:

(1) 02 bộ³⁴ chưa thực hiện phân cấp TTHC theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg và 03 bộ³⁵ chưa trình phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ trọng tâm ưu tiên theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg;

Trong 9 tháng năm 2024, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến của bộ, ngành đạt 45,4% (tăng 16,11% so với năm 2023), của địa phương đạt 54,8% (tăng 14,7% so với năm 2023); tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC của bộ, ngành đạt 45,45% (tăng 17,41% so với năm 2023), của địa phương đạt 65,54% (tăng 20,14% so với năm 2023); tỷ lệ hồ sơ được cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử của bộ, ngành đạt 45,82% (tăng 17,76% so với năm 2023), địa phương đạt 67,26% (tăng 19,59% so với năm 2023), tạo điều kiện cho việc tái cấu trúc quy trình, cung cấp dịch vụ công trực tuyến thông minh, thân thiện. Theo đó, mức độ hài lòng trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công của địa phương 9 tháng đầu năm 2024 đạt 93,3%, (tăng 1,32% so với năm 2023).

03 Phiên họp tổ chức ngày 23/02/2024, ngày 03/5/2024 và ngày 31/9/2024

Thông báo số 210/TB-VPCP ngày 10/05/2024.

02 bộ gồm: Khoa học và Công nghệ, Ngoại giao

03 bộ gồm: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường

(2) Kết quả số hóa hồ sơ, cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử còn hạn chế, việc tái sử dụng kết quả đã được số hóa mặc dù có cải thiện nhưng kết quả còn thấp, nhất là đối với các bộ, ngành³⁶;

(3) Việc xem xét, trả lời PAKN của tổ chức, cá nhân về quy định, hành vi hành chính, nhất là việc chậm trễ trong trả kết quả giải quyết TTHC đối với một số lĩnh vực, chưa được quan tâm đúng mức tại một số bộ, ngành³⁷.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

Nguyên nhân chủ yếu của tồn tại, hạn chế nêu trên là do công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện cải cách TTHC, xử lý PAKN tại một số bộ, ngành, địa phương trong một số nhiệm vụ cụ thể chưa thực sự quyết liệt, triệt để; công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị còn thiếu chủ động, chưa chặt chẽ, kịp thời; một số bộ phận, cán bộ, công chức, viên chức chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THÁNG 10 VÀ QUÝ IV NĂM 2024

Để tiếp tục triển khai có hiệu quả công tác cải cách TTHC, đề nghị các bộ, ngành, địa phương quán triệt, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời các quy định, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong đó tập trung vào những nhiệm vụ chủ yếu sau:

1. Khẩn trương sửa đổi, bổ sung các VBQPPL để thực thi phương án đơn giản hóa quy định, TTHC, giấy tờ công dân, phân cấp TTHC đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; rà soát, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc phê duyệt theo thẩm quyền phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ, bảo đảm đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ; thực hiện Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về liên thông điện tử 02 nhóm TTHC về khai sinh và khai tử, bảo đảm thông suốt, hiệu quả.

2. Xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị quyết phê duyệt Chương trình cắt giảm giấy phép và đổi mới hoạt động cấp phép tại bộ, ngành, địa phương giai đoạn 2025 - 2030, hoàn thành trong tháng 12 năm 2024.

3. Tiếp tục triển khai hiệu quả mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc UBND cấp tỉnh theo Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

4. Tổ chức triển khai thí điểm cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua ứng dụng VNeID trên toàn quốc theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

5. Tập trung số hóa dữ liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương; đẩy mạnh kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành để làm giàu dữ liệu và phục vụ đơn giản hóa TTHC, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

6. Nâng cấp, hoàn thiện Bộ Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, trong đó tập trung thực hiện phát triển nền tảng phân tích, kiểm soát quy định TTHC trong VBQPPL phục vụ công bố, công khai, rà soát, đánh giá TTHC.

Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu số hóa tại các bộ, ngành đạt 2,26%, tại các địa phương đạt 17,50%.

Đến ngày 30/9/2024, còn 33.924 PAKN chưa được xem xét, xử lý, trong đó, chủ yếu PAKN thuộc phạm vi xử lý của Bộ Công an (31.958 PAKN), Bộ Tài chính (615 PAKN)...

7. Phát triển Công Dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm dữ liệu quốc gia, bảo đảm vận hành ổn định, kế thừa, phát huy kết quả triển khai Công Dịch vụ công quốc gia thời gian qua theo Nghị quyết số 85/NQ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ.

8. Kịp thời tiếp nhận, xử lý PAKN của người dân, doanh nghiệp về khó khăn, vướng mắc trong thực hiện quy định, TTHC bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

Trên cơ sở kết quả công tác cải cách TTHC tháng 9 và 9 tháng năm 2024, Văn phòng Chính phủ kiến nghị:

1. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thành viên Tổ công tác cải cách TTHC và Hội đồng tư vấn cải cách TTHC tập trung triển khai kịp thời, đầy đủ, hiệu quả các nhiệm vụ theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 727/TTg-KSTT ngày 01 tháng 10 năm 2024 và các nội dung trọng tâm nêu tại Mục III của Báo cáo này.

2. Chính phủ xem xét thông qua nội dung tổ chức triển khai thí điểm mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc UBND cấp tỉnh tại Bắc Ninh nêu tại dự thảo Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2024.

3. Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Bộ đề xuất đưa vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh việc sửa đổi, bổ sung 32 Luật chuyên ngành nhằm triển khai thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hoá 221 TTHC, quy định kinh doanh đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Báo cáo số 400/BC-BTP ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Bộ Tư pháp tại Phiên họp thứ 3 Ban chỉ đạo rà soát, xử lý vướng mắc trong hệ thống VBQPPL.

4. Các bộ, cơ quan có liên quan khẩn trương xem xét, trả lời đề xuất, kiến nghị của các bộ, ngành, địa phương theo thẩm quyền nêu tại Phụ lục X kèm theo Báo cáo này và các Báo cáo tình hình, kết quả cải cách TTHC hằng tháng do Văn phòng Chính phủ tổng hợp; đồng thời, gửi kết quả về Văn phòng Chính phủ để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Trên đây là Báo cáo tình hình, kết quả cải cách TTHC tháng 9 và 9 tháng năm 2024, Văn phòng Chính phủ kính trình Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTgCP, các Phó TTgCP (để b/c);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, Cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Thành viên Tổ công tác cải cách TTHC;
- Thành viên Hội đồng tư vấn cải cách TTHC;
- VPCP: BTCN, các PCN,
Trợ lý, Thư ký TTg, các PTTg,
các Vụ, Cục: TH, KTTH, PL, KGVX, NC, CN,
NN, ĐMDN, TCCV, TCCB;
- Lưu: VT, KSTT (2b).

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM



Trần Văn Sơn

Phụ lục IX

**TỔNG HỢP TRẢ LỜI ĐỐI VỚI NHỮNG ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG
TẠI BÁO CÁO CẢI CÁCH TTHC THÁNG 9 NĂM 2024 THUỘC THẨM QUYỀN CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-VPCP ngày tháng năm 2024 của Văn phòng Chính phủ)

Số TT	Bộ, ngành, địa phương có đề xuất, kiến nghị	Nội dung đề xuất, kiến nghị	Nội dung trả lời của Văn phòng Chính phủ
I	NHÓM NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA		
1.	Bộ Nội vụ	Đề nghị Văn phòng Chính phủ hỗ trợ Bộ Nội vụ trong việc bãi bỏ TTHC “Đổi tên quỹ cấp huyện”, mã TTHC 1.005203 thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện (được công bố tại Quyết định số 579/QĐ-BNV ngày 15/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ) đã bị bãi bỏ tại Quyết định số 1109/QĐ-BNV ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ nhưng đến nay vẫn còn công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia (DVCQG) .	VPCP đã kiểm tra việc cập nhật TTHC của BNV trên CSDLQGTTTHC, theo đó, tại Danh mục các TTHC bãi bỏ kèm theo QĐ số 1109/QĐ-BNV ngày 21/12/2020 được Bộ Nội vụ đăng tải, cập nhật trên hệ thống không có TTHC “Đổi tên quỹ cấp huyện” (mã số 1.005203). Do BNV thực hiện không đúng quy trình bãi bỏ TTHC nên TTHC này vẫn tồn tại trên hệ thống. Đề nghị BNV nghiên cứu kỹ quy trình cập nhật, công khai TTHC tại Điều 19 QĐ số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11/10/2021 ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia để thực hiện
2.	UBND tỉnh An Giang	Việc thực hiện tiếp nhận hồ sơ TTHC được đồng bộ từ Cổng DVCQG về Cổng DVC tỉnh, các trường thông tin cá nhân, tổ chức thực hiện giải quyết TTHC chưa đầy đủ thông tin. Cụ thể: đối với trường thông tin “MST/CMND/CCCD; ngày cấp; nơi cấp” bắt buộc nhập đầy đủ thông tin. Tuy nhiên, nhiều tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện TTHC (được đồng bộ từ Cổng DVC quốc gia) thường xuyên để trống tại trường thông tin này. Do vậy, công chức tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC phải thực hiện nhập thông tin	02 TTHC (Thông báo hoạt động khuyến mãi và Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mãi), Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh là đơn vị xây dựng API để nhận hồ sơ thông báo khuyến mãi từ Cổng DVCQG. Trong đó, API <i>addtthcKhuyenMai</i> của TTHC Thông báo hoạt động khuyến mãi và API <i>nhansdvcqg</i> của TTHC Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đã chia sẻ trường thông tin MaSoThue từ Cổng DVCQG về Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh.

		<p>“MST/CMND/CCCD” thủ công làm mất rất nhiều thời gian nhập bổ sung thông tin và do số lượng hồ sơ tiếp nhận trong ngày khá lớn (bình quân từ 160 đến 220 hồ sơ mỗi ngày) đã gây khó khăn cho Sở Công thương trong việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ (các TTHC được đồng bộ về Cổng DVC tỉnh chủ yếu là 02 TTHC Thông báo hoạt động khuyến mại và Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại).</p> <p>Từ khó khăn nêu trên kiến nghị Văn phòng Chính phủ và đơn vị vận hành Cổng DVCQG bắt buộc tổ chức, cá nhân phải điền đầy đủ thông tin tại trường “MST/CMND/CCCD; ngày cấp; nơi cấp”.</p>	
3.	UBND tỉnh Bình Phước	<p>Kiến nghị Văn phòng Chính phủ hỗ trợ địa phương kết thúc các hồ sơ của Sở Giao thông vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư đang được ghi nhận quá hạn Cổng dịch vụ công quốc gia. Các hồ sơ thực tế đã được kết thúc nhưng vẫn "treo" trên Cổng dịch vụ công quốc gia được đồng bộ từ phần mềm của Bộ Giao thông vận tải và Bộ Kế hoạch và Đầu tư Phụ lục kèm theo)</p>	<p>Đối với các hồ sơ được đồng bộ từ các hệ thống ngành dọc (Bộ GTVT, Bộ KHĐT), Cổng DVCQG ghi nhận tiến độ thực hiện hồ sơ TTHC theo các bản tin đồng bộ từ Bộ GTVT, Bộ KHĐT lên Cổng DVCQG. Do đó, đối với các hồ sơ đã hoàn thành nhưng chưa được ghi nhận trên Cổng DVCQG, địa phương báo cáo, đề nghị các Bộ chuyên ngành đồng bộ đúng, đủ các hồ sơ lên Cổng DVCQG theo api <i>dongbohosomc</i>.</p>
4.	UBND tỉnh Vĩnh Long	<p>Đảm bảo đồng bộ hồ sơ của thủ tục Thông báo hoạt động khuyến mại (Mã TTHC: 2.000033) từ Cổng dịch vụ công quốc gia về Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh được ổn định, liên tục</p>	<p>Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện đúng việc kết nối, tích hợp theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ được đăng tải trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, đồng thời đảm bảo đầy đủ các điều kiện trong quá trình kết nối như hạ tầng, đường truyền... Trường hợp có khó khăn, vướng mắc, đề nghị địa phương trao đổi trên nhóm hỗ trợ kỹ thuật trên ứng dụng telegram hoặc liên hệ với chuyên viên theo dõi địa phương tại Cục Kiểm soát thủ tục hành chính, Văn phòng Chính phủ để được hỗ trợ, hướng dẫn.</p>

5.	UBND tỉnh Quảng Bình	<p>Về nền tảng thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC Quốc gia:</p> <p>a) Nền tảng thanh toán trực tuyến quốc gia chưa đáp ứng việc tự động hoàn trả phí, lệ phí ngay sau khi hồ sơ nộp trực tuyến bị từ chối giải quyết, trả lại hồ sơ việc này dẫn đến khi xây dựng quy trình điện tử DVC trực tuyến, đối với các DVC thiết lập việc thanh toán phí, lệ phí trực tuyến đồng thời cùng thời điểm công dân nộp hồ sơ trực tuyến thì khi từ chối giải quyết, trả lại hồ sơ sẽ phiền hà cho cơ quan giải quyết TTHC; đối với các DVC thiết lập việc nộp hồ sơ trực tuyến trước, sau khi cơ quan giải quyết TTHC kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ thì công dân mới thanh toán phí, lệ phí trực tuyến thì công dân buộc phải thực hiện giao dịch trên Cổng DVC hai (02) lần, trong đó lần thanh toán phí, lệ phí trực tuyến phụ thuộc vào thời điểm cơ quan giải quyết TTHC đã kiểm tra và chấp nhận cho thanh toán trực tuyến.</p> <p>b) Hiện nay, việc thanh toán trực tuyến trên Nền tảng thanh toán trực tuyến quốc gia yêu cầu thực hiện nhiều thao tác cho một giao dịch thanh toán trực tuyến, chưa thực sự tiện ích đối với người dân, doanh nghiệp khi giao dịch thanh toán.</p> <p>Vì vậy, đề nghị Văn phòng Chính phủ nâng cấp Nền tảng thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia để đảm bảo tiện ích cho người dùng và thực hiện "việc hoàn trả phí, lệ phí là tự động và trả ngay" sau khi nhận được thông báo từ chối giải quyết, trả lại hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC.</p>	<p>a) Việc hoàn trả phí, lệ phí cho người nộp hồ sơ phụ thuộc vào quá trình đang xử lý hồ sơ TTHC của người nộp. Đồng thời, việc tra soát, đối chiếu, hoàn trả đối với các khoản thu phí, lệ phí, thu phạt được thực hiện theo quy định tại Điều 28, Điều 29, Điều 30, Thông tư 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ.</p> <p>Hiện tại, Cổng DVCQG đã nâng cấp, đáp ứng việc thực hiện chỉ cho người dân thanh toán khi hồ sơ TTHC được tiếp nhận thành công.</p> <p>b) Cổng DVCQG đang phối hợp với các đơn vị phụ trách kỹ thuật thực hiện nâng cấp nền tảng thanh toán theo hướng sử dụng mã QR, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thanh toán phí, lệ phí, thu phạt trên Cổng DVCQG.</p>
----	----------------------	---	--

6.		<p>2. Về hạ tầng công nghệ thông tin, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đang phải thực hiện kết nối với Cổng DVCQG, hệ thống VNeID và nhiều hệ thống thông tin của các bộ, ngành Trung ương, do vậy một số thời điểm, khi các hệ thống thông tin ở Trung ương phát sinh lỗi (thường xảy ra) đã làm ảnh hưởng, gián đoạn đến việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ DVCTT trên Hệ thống của tỉnh.</p> <p>Vì vậy, kiến nghị, đề xuất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chính phủ quan tâm, có chính sách tạo điều kiện hơn nữa về kinh phí trong triển khai đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin cơ bản cho các cơ quan, đơn vị giải quyết TTHC, cung cấp DVC trực tuyến. - Văn phòng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương chỉ đạo bộ phận quản lý Cổng DVCQG, các hệ thống thông tin của các bộ, ngành Trung ương nâng cấp các nền tảng, chức năng tích hợp trên Hệ thống bảo đảm tiện ích, không làm ảnh hưởng, gián đoạn đến việc giải quyết TTHC trong quá trình kết nối, tích hợp Hệ thống. 	<p>Văn phòng Chính phủ ghi nhận ý kiến góp ý của địa phương và sẽ tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp Cổng Dịch vụ công quốc gia để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước cũng như nhu cầu của người dân, doanh nghiệp.</p>
II NHÓM NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA			
1.	UBND tỉnh Bắc Ninh	<p>Hỗ trợ địa phương trong việc phân tích các chỉ số đánh giá theo QĐ 766 (VD: Trên biểu đồ về tỷ lệ hồ sơ giải quyết quá hạn cao, nhưng tại phần chi tiết xuất trên hệ thống danh sách chi tiết hồ sơ quá hạn lại rất ít, không đồng nhất với tỷ lệ hồ sơ quá hạn).</p>	<p>Văn phòng Chính phủ thường xuyên hỗ trợ địa phương trong quá trình triển khai thực hiện Bộ chỉ số 766. Đối với hồ sơ quá hạn gồm 02 phần: (1) Quá hạn đã xử lý; (2) Quá hạn đang xử lý. Cổng Dịch vụ công quốc gia chỉ chia sẻ Danh sách hồ sơ đang xử lý quá hạn để cơ quan, đơn vị nắm bắt cụ thể, kịp thời tháo gỡ, xử lý cho cá nhân, tổ chức.</p>

			Trường hợp có khó khăn, vướng mắc, đề nghị địa phương trao đổi trên nhóm hỗ trợ kỹ thuật trên ứng dụng telegram hoặc liên hệ với chuyên viên theo dõi địa phương tại Cục Kiểm soát thủ tục hành chính, Văn phòng Chính phủ để được hỗ trợ, hướng dẫn.
2.	UBND tỉnh Bến Tre	<p>1. Xem xét, điều chỉnh cách thức đánh giá đảm bảo chính xác, phù hợp với tình hình, kết quả giải quyết TTHC tại địa phương theo Quyết định số 766/QĐ-TTg; trong đó xem xét, điều chỉnh cách tính “Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết TTHC bản điện tử” chỉ tính đối với các TTHC có quy định phải cấp kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức.</p> <p>2. Xem xét, điều chỉnh thời gian giải quyết trên Bộ Chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp đối với 07 TTHC theo Quyết định số 545/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải sao cho thống nhất, đồng bộ giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và Cổng Dịch vụ công quốc gia.</p>	<p>1. Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 01/2023/TT-VPCP quy định số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, trong đó có quy định trả kết quả giải quyết TTHC điện tử. Do đó, việc đánh giá số hóa phải đáp ứng quy định của Chính phủ. Đối với trường hợp TTHC không có yêu cầu trả kết quả giải quyết bằng văn bản. Bộ Chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp đã tính toán trường hợp này là đáp ứng yêu cầu số hóa khi không có tệp tin đính kèm như trả kết quả. Đề nghị địa phương nghiên cứu các quy định, hướng dẫn nêu trên để thực hiện.</p> <p>2. Nội dung này đã được trả lời tại văn bản số 5531/VPCP-KSTT ngày 02/8/2024.</p>
3.	UBND tỉnh Cà Mau	<p>1. Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 (có hiệu lực thi hành ngày 01/8/2024) nhưng được ký số ngày 15/8/2024 và được công khai TTHC mới ban hành lên trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính ngày 19/8/2024 (trong đó, có 02 TTHC cấp Trung ương, 42 TTHC cấp tỉnh, 21 TTHC cấp huyện, 01 TTHC cấp xã). Đến ngày 15/8/2024, Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau mới nhận được Quyết định 2124/QĐ-BTNMT (trên iOffice); trên cơ sở đó, ngày 19/8/2024, Chủ tịch Ủy</p>	<p>1. Đối với không tính địa phương trễ hạn đối với trường hợp công bố Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01 tháng 8 năm 2024, Bộ Chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp cho phép địa phương được công bố, công khai TTHC trong 10 ngày tính từ ngày Bộ công bố, công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC để làm rõ trách nhiệm của Bộ, ngành, địa phương trong công bố, công khai TTHC.</p> <p>2. Sau khi hồ sơ thực hiện thanh toán, các ngân hàng, trung gian thanh toán là đơn vị cập nhật trạng thái “Đã thanh toán”</p>

		<p>ban nhân dân tỉnh Cà Mau đã ban hành Quyết định số 1651/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục TTHC đối với tất cả TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã. Vì vậy, kiến nghị Văn phòng Chính phủ không tính địa phương trễ hạn đối với trường hợp này (46 TTHC) trên Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công (Quyết định số 766/QĐ-TTg).</p> <p>2. Đề xuất Văn phòng Chính phủ rà soát, nâng cấp hệ thống thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để kịp thời cập nhật trạng thái “Đã thanh toán” đối với những hồ sơ đã thực hiện thanh toán trực tuyến thành công.</p>	<p>trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Hiện tại, Văn phòng Chính phủ đã triển khai các nhóm hỗ trợ trên telegram giữa Cổng DVCQG, các ngân hàng, trung gian thanh toán với từng địa phương phục vụ việc đối soát giữa cơ quan thu với ngân hàng, trung gian thanh toán trong trường hợp cơ quan thu chưa hạch toán được các khoản thu.</p>
4.	UBND tỉnh Đắk Lắk	<p>Đổi việc xác định Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ (gọi tắt là Chỉ số 766):</p> <p>Đề nghị Văn phòng Chính phủ cho mở tính năng ghi nhận đối với việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC cho đơn vị cấp 2 là các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai cấp huyện thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường) trong quá trình nhận và xử lý hồ sơ giải quyết TTHC, nhằm phản ánh đúng thực chất tình hình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC của Sở Tài nguyên và Môi trường và đảm bảo tính đồng bộ dữ liệu giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh với Cổng dịch vụ công Quốc gia.</p>	<p>Văn phòng Chính phủ ghi nhận ý kiến của địa phương và đang hoàn thiện Bộ Chỉ số để đáp ứng được yêu cầu này, dự kiến hoàn thành trong Quý IV/2024</p>

5.	UBND các tỉnh: Đắk Lắk, Điện Biên	Hiện tại, nhiều chức năng trên Cổng dịch vụ công Quốc gia được nâng cấp, bổ sung và một số cách tính điểm đối với từng chỉ tiêu, tiêu chí thành phần của Chỉ số 766 có sự thay đổi, do đó, đề nghị Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC) tổ chức tập huấn hoặc ban hành văn bản hướng dẫn phân tích dữ liệu Chỉ số 766 trên Cổng dịch vụ công quốc gia, để việc theo dõi, giám sát, đánh giá chất lượng giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công tại địa phương được chính xác, hiệu quả hơn.	Hiện tại, Văn phòng Chính phủ đã công khai Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật tại mục Hỗ trợ - Hướng dẫn sử dụng – Bộ ngành, cơ quan, địa phương (Tài liệu số 9) trên Cổng DVCQG.
6.	UBND tỉnh Long An	Hiện nay, trên bản đồ thể chế Cổng DVCQG, tỉnh Long An còn thiếu tên 01 đơn vị cấp xã (xã Long Thạnh, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An). Đề nghị Văn phòng Chính phủ bổ sung tên của đơn vị xã Long Thạnh vào bản đồ thể chế, tạo điều kiện giúp tỉnh Long An thống kê đầy đủ việc thực hiện đánh giá “kết quả chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công theo Quyết định 766” của các đơn vị cấp xã trên địa bàn tỉnh	Hiện tại, Văn phòng Chính phủ đã phân quyền cho tài khoản quản trị của các tỉnh để chủ động trong việc cập nhật địa giới hành chính của địa phương trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, đảm bảo tính chính xác, đầy đủ. Đề nghị địa phương nghiên cứu, thực hiện
7.	UBND tỉnh Thừa Thiên – Huế	Đề nghị Văn phòng Chính phủ xem xét, hướng dẫn thống nhất việc thực hiện quy trình số hoá thành phần hồ sơ trong trường hợp cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp không có nhu cầu thực hiện chứng thực bản sao điện tử từ bản chính đối với 02 TTHC sau: - Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận (Mã số: 2.000843).	Đối với hồ sơ của thủ tục chứng thực là hồ sơ xuất trình khi thực hiện TTHC nên thuộc loại số hóa theo nhu cầu được quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 01/2023/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ. Việc thực hiện chứng thực bản sao điện tử từ bản chính được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP. Đề nghị địa phương nghiên cứu, các quy định tại các văn bản nêu trên để triển khai thực hiện. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc, đề nghị địa phương trao đổi trên nhóm hỗ trợ kỹ thuật trên ứng dụng telegram

	<p>- Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận (Mã số: 2.000815).</p> <p>Cụ thể:</p> <p>a) Văn phòng Chính phủ xem xét và hướng dẫn thống nhất việc số hoá thành phần hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính phù hợp với quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 4 của Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.</p> <p>Lý do:</p> <p>- Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính “1. Đối với hồ sơ được nhận theo cách thức được quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 16 Nghị định này, cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa phải xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin một cửa điện tử của bộ, ngành, địa phương”.</p>	<p>hoặc liên hệ với chuyên viên theo dõi địa phương tại Cục Kiểm soát thủ tục hành chính, Văn phòng Chính phủ để được hỗ trợ, hướng dẫn</p>
--	--	---

	<p>- Căn cứ vào Điểm b Khoản 4 Điều 4 của Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.</p> <p>Điểm b Khoản 4 Điều 4 của Thông tư số 01/2023/TT-VPCP quy định:</p> <p>“4. Không thực hiện số hóa đối với những giấy tờ, tài liệu:</p> <p>a)</p> <p>b) Các giấy tờ là thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được nộp dưới hình thức bản sao chụp, bản sao có chứng thực, trừ bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính theo quy định tại khoản 1 Điều này;”</p> <p>Đối chiếu về trình tự thực hiện “Người thực hiện chứng thực kiểm tra bản chính, đối chiếu với bản sao, nếu nội dung bản sao đúng với bản chính, bản chính giấy tờ, văn bản không thuộc các trường hợp bản chính giấy tờ, văn bản không được dùng làm cơ sở để chứng thực bản sao thì thực hiện chứng thực như sau:</p> <p>* Ghi đầy đủ lời chứng chứng thực bản sao từ bản chính theo mẫu quy định.</p> <p>* Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu của cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực và ghi vào sổ chứng thực”.</p> <p>b) Văn phòng Chính phủ xem xét, không đưa hồ sơ phát sinh đối với 02 TTHC này trong công thức tính “Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ tại Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục</p>	
--	--	--

		vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử.	
8.	UBND tỉnh Trà Vinh	<p>Đề nghị hướng dẫn một số nội dung liên quan đến Bộ chỉ số 766</p> <p>1. Đối với nhóm công khai, minh bạch: Kiểm tra nội dung công khai trên trang http://quantri.dichvucong.gov.vn, đơn vị Sở Tư pháp có 04 TTHC cập nhật, công khai quá hạn (cấp huyện, xã) và 113 TTHC công bố quá hạn, tuy nhiên qua kiểm tra thì có nhiều TTHC đã được Sở Tư pháp cập nhật công khai năm 2024, lần trước công khai là năm 2023 nhưng hệ thống lại có trường hợp thể hiện năm 2016, 2017 (nội dung này rất khó khăn trong công tác cập nhật của Sở Tư pháp để đảm bảo đúng quy định).</p> <p>2. Đối với nhóm số hóa hồ sơ: Hiện nay, tất cả các hồ sơ, TTHC Sở Tư pháp (thuộc đối tượng trả kết quả bằng giấy tờ) chưa có quy định pháp luật về kết quả điện tử nên phân nào gây khó khăn trong việc số hóa và hiện tại việc số hóa TTHC chỉ dừng lại ở việc số hóa đầu vào của TTHC chưa đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.</p>	<p>1. VPCP đã kiểm tra dữ liệu TTHC trên CSDLQGTTTC của tỉnh Trà Vinh đối với 02 TTHC: 1.001193.000.00.00.H59 (Thủ tục đăng ký khai sinh), 1.001669.000.00.00.H59 (Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài) và xin thông tin lại như sau:</p> <p>- TT 1.001193.000.00.00.H59 (Thủ tục đăng ký khai sinh) mặc dù được sửa đổi, bổ sung nhiều lần (các năm 2023, 2024) nhưng Căn cứ pháp lý (CCPL) mới nhất vẫn là Thông tư số 15/2015/TT-BTP, hiệu lực ngày 02/01/2016. TTHC gốc (1.001193) được Bộ TP, công bố, cập nhật có CCPL mới nhất là TT số 04/2024/TT-BTP hiệu lực ngày 06/6/2024.</p> <p>- TT 1.001669.000.00.00.H59 (Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài) cũng chỉ có CCPL mới nhất là Thông tư số 179/2015/TT-BTC, hiệu lực ngày 01/01/2017. TTHC gốc (1.001669) được Bộ TP, công bố, cập nhật có CCPL mới nhất là TT số 04/2024/TT-BTP hiệu lực ngày 06/6/2024.</p> <p>Do hệ thống Bộ Chỉ số tính toán, đánh giá dựa trên dữ liệu thực tế công tác cập nhật, công khai TTHC của các BNDP nên việc tỉnh Trà Vinh cập nhật không đầy đủ Căn cứ pháp lý mới nhất, dẫn đến các TTHC trên bị tính quá hạn. Đề nghị UBND tỉnh Trà Vinh nghiên cứu quy trình cập nhật, công</p>

			<p>khai TTHC tại QĐ số 31/2021/QĐ-TTg để thực hiện đúng quy định</p> <p>2. Việc CQNN cấp, trả kết quả giải quyết TTHC điện tử cho cá nhân, tổ chức đã được quy định tại Điều 14 NĐ số 45/2020/NĐ-CP phủ về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử, theo đó “<i>Cơ quan có thẩm quyền trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành, đồng thời trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử cho tổ chức, cá nhân tại Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân...</i>”. Bên cạnh đó 1 số văn bản QPPL ngành tư pháp cũng có quy định rõ về trả kết quả điện tử (Điều 12 NĐ số 87/2020/NĐ-CP; Thông tư số Số: 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023, do đó, kiến nghị của tỉnh là chưa chính xác. Đề nghị UBND tỉnh Trà Vinh chỉ đạo Sở TP, các Sở, ngành có liên quan nghiên cứu kỹ các quy định PL để tổ chức thực hiện hiệu quả tại ĐP</p>
III NHÓM NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ TTHC			
9.	UBND tỉnh Bình Định	Kiến nghị Văn phòng Chính phủ xem xét hủy công khai một số thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính (có Phụ lục 01 kèm theo).	<p>Qua nghiên cứu cụ thể 12 TTHC kèm danh sách của UBND tỉnh Bình Định, VPCP xin thông tin lại như sau</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm TTHC lĩnh vực NNPTNT, GTVT đang có trong những QĐCB hiện hành của UBND tỉnh, đề nghị tỉnh ban hành QĐCB bãi bỏ các TTHC này khỏi DM TTHC của tỉnh để VPCP có cơ sở hỗ trợ. - Các TTHC khác VPCP đã hỗ trợ thực hiện theo đề nghị của UBND tỉnh Bình Định

IV	NHÓM NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN HỆ THỐNG XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA		
10.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	<p>1. Hỗ trợ cung cấp danh sách các PAKN của Bộ Kế hoạch và Đầu tư chưa hoàn thành trả lời để phục vụ cho việc đối soát dữ liệu trong báo cáo.</p> <p>2. Đề nghị phối hợp kiểm tra về mặt kỹ thuật về một số lỗi khi đồng bộ kết quả xử lý trả lời PAKN (Ví dụ đối với 01 mã: PAKN.20240531.0064 kết nối thành công mà không có kết quả trả về).</p> <p>3. Hỗ trợ xử lý đối với PAKN đã công khai trước đó nhưng bị lỗi (thiếu file, thừa thẻ html,...) theo danh sách tại Phụ lục văn bản 4150/BKHDT-CNTT đã gửi VPCP trước đó (do các PAKN này đã công khai rồi nên Bộ không thực hiện đồng bộ lại kết quả xử lý trả lời được).</p> <p>4. Hỗ trợ xử lý với các trường hợp phân lần 2 về Bộ mặc dù Bộ đã trả lại để Văn phòng Chính phủ phân đơn vị khác xử lý (Mã PAKN.20240617.0255).</p> <p>5. Cung cấp thông tin địa chỉ tỉnh, huyện, xã trong API danh sách PAKN chờ xử lý dạng mã thay vì tên như hiện nay để tránh tình trạng khi thay đổi tên trong danh mục thì khi đồng bộ PAKN về Hệ thống của các đơn vị sẽ không xác định được địa chỉ đối với các PAKN đã gửi trước đó</p>	<p>- Đề nghị Bộ KHĐT chủ động theo dõi, thống kê, rà soát tình hình tiếp nhận, công khai PAKN do hệ thống của Bộ xây dựng riêng, được đồng bộ với Hệ thống tiếp nhận, trả lời PAKN trên Cổng DVC quốc gia nên Bộ cần bổ sung tính năng theo dõi, đối soát dữ liệu đồng bộ, bảo đảm kịp thời phát hiện, khắc phục lỗi kỹ thuật.</p> <p>- Các PAKN theo Danh sách đề nghị của Bộ KHĐT, VPCP đã hỗ trợ xử lý việc đồng bộ, cập nhật KQ (như đã nêu tại BC tháng 9/2024)</p>
11.	Bộ Y tế	<p>Bổ sung tính năng tổng hợp thông tin từng phản ánh kiến nghị khi trích xuất thông tin trên trang pakn.dichvuvong.gov.vn, theo đó thuận tiện trong quá trình quản lý, theo dõi trạng thái xử lý và truy xuất thông tin nếu cần</p>	<p>VPCP trân trọng cảm ơn góp ý của các BNĐP và sẽ nghiên cứu, triển khai. Tuy nhiên, đề nghị BHYT mô tả rõ đề nghị về tính năng tổng hợp thông tin từng PAKN (Bộ có nhu cầu tổng hợp những loại thông tin gì? Cách thức tổng hợp...)</p>

12.	UBND tỉnh An Giang	<p>Rà soát, điều chỉnh lại mục thống kê số liệu phản ánh kiến nghị trên công dịch vụ công quốc gia, đảm bảo phù hợp với số lượng địa phương đã tiếp nhận, xử lý. Đơn cử tại mục “Báo cáo tình hình xử lý” tỉnh chọn xuất đột xuất (15/06/2024 - 14/09/2024) thì kết quả nhận được chưa phù hợp, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - PAKN thuộc phạm vi xem xét xử lý (Gửi trực tiếp đến BNDP): 59102. + PAKN chờ xử lý ở BNDP: 24702. + PAKN đang xử lý ở Bộ ngành, địa phương: 18368. + PAKN đã công khai: 16032. - PAKN không thuộc phạm vi xem xét xử lý: 7095. 	VPCP sẽ phối hợp với đầu mối KSTTHC tỉnh An Giang kiểm tra thông tin, số liệu báo cáo theo đề nghị của tỉnh
13.	UBND tỉnh Hải Dương, Bắc Ninh	<p>Đề nghị Văn phòng Chính phủ quan tâm bổ sung đơn vị Tổng cục Thuế trên Hệ thống phản ánh kiến nghị vì hiện nay số phản ánh kiến nghị của tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan thuế phát sinh nhiều, tuy nhiên do chưa có chức năng chuyển phản ánh kiến nghị trên hệ thống nên địa phương trực tiếp gửi văn bản yêu cầu xử lý và hoàn thiện chức thống kê, báo cáo tình hình giải quyết phản ánh kiến nghị (hiện nay việc thống kê còn bất cập, số liệu báo cáo thống kê tình hình xử lý phản ánh kiến nghị chưa chính xác, không hiện thị tới cơ quan xử lý cấp dưới của tỉnh trong chức năng tra cứu phản ánh kiến nghị) giúp công tác theo dõi, thống kê báo cáo tình hình xử lý phản ánh kiến nghị được chính xác, thuận tiện.</p>	Đối với những trường hợp này, đề nghị UBND tỉnh lựa chọn mục Không thuộc thẩm quyền tại màn hình Tiếp nhận PAKN, sau đó chọn Bộ chủ quản (VD: BTC) và bấm nút Chuyển xử lý

14.	UBND tỉnh Quảng Nam	<p>Điều chỉnh, hoàn thiện công cụ thống kê trên Hệ thống PAKN quốc gia để công tác thống kê được chính xác: không thống kê các PAKN đã trả lại cho người dân để bổ sung thông tin hoặc chuyển sang các Bộ, ngành Trung ương xử lý, cụ thể: tính đến ngày 23/9/2024, trên Hệ thống phản ánh kiến nghị tại địa chỉ https://pakn.dichvucong.gov.vn/, tỉnh Quảng Nam có 20 phản ánh kiến nghị (PAKN) ở trạng thái đang xử lý thể hiện tại chức năng “Tiếp nhận phản ánh” mục “Phản ánh đang xử lý (20), tuy nhiên, qua kiểm tra chi tiết từng PAKN, trong 20 PAKN nêu trên chỉ có 03 PAKN là trạng thái đang xử lý (có mã gồm: PAKN.20240906.0078, PAKN.20240908.0081, PAKN.20240813.0264), 17 PAKN còn lại trả lại cho công dân chờ bổ sung thông tin (có mã gồm: PAKN.20200506.0027, PAKN.20200510.0006, PAKN.20200605.0010, PAKN.20200609.0009, PAKN.20200910.0024, PAKN.20200801.0012, PAKN.20201005.0003, PAKN.20201228.0025, PAKN.20210906.0028, PAKN.20210910.0158, PAKN.20210911.0015, PAKN.20211123.0077, PAKN.20211123.0076, PAKN.20211125.0059, PAKN.20211026.0118, PAKN.20211012.0004, PAKN.20230103.0003). Kính đề nghị Văn phòng Chính phủ kiểm tra, điều chỉnh công cụ thống kê danh mục PAKN cho phù hợp với thực tế xử lý.</p>	<p>VPCP sẽ phối hợp với đầu mối KSTTHC tỉnh Quảng Nam kiểm tra thông tin, số liệu báo cáo theo đề nghị của tỉnh</p>
-----	---------------------	---	---

V	NHÓM NỘI DUNG KHÁC LIÊN QUAN	
1.	<p>- Đối với quy định về bố trí nhân sự tại Bộ phận một cửa các cấp (Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ), để tiết kiệm chi phí vận hành tại Bộ phận một cửa các cấp, đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, kiến nghị Văn phòng Chính phủ xem xét, đề xuất Chính phủ điều chỉnh quy định về nhân sự bố trí tại Bộ phận một cửa các cấp; UBND tỉnh Đồng Nai đề xuất đối với các đơn vị đã triển khai trực tuyến đạt 90% trở lên, địa phương căn cứ điều kiện thực tiễn để đề xuất bố trí nhân sự trực tại Bộ phận một cửa hoặc bố trí nhân sự tiếp nhận hồ sơ trực tuyến là nhân sự làm việc tại đơn vị đề chủ động trong quản lý, sử dụng nhân sự.</p>	<p>Theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP: điểm a Khoản 1 Điều 37 “Chủ tịch UBND cấp tỉnh trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại địa phương theo quy định tại Nghị định này và quy chế tổ chức hoạt động của Bộ phận Một cửa” và Điều 9 quy định trách nhiệm của người đứng đầu Bộ phận Một cửa Trực tiếp điều hành và chịu trách nhiệm trước người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền về toàn bộ hoạt động của Bộ phận Một cửa. Đề nghị địa phương thực hiện theo thẩm quyền.</p>
2.	<p>Kiến nghị rà soát, ban hành Nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính nội bộ thuộc thẩm quyền giải quyết đã được Văn phòng Chính phủ ban hành tại Phụ lục II, Văn bản số 5990/VPCP-KSTT ngày 22/8/2024 về công bố, rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ để địa phương thống nhất triển khai trên toàn quốc; tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương thực hiện rà soát, đơn giản hóa các TTHC nội bộ tại Phụ lục II, Văn bản số 5990/VPCP-KSTT ngày 22/8/2024 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.</p>	<p>Đề nghị các địa phương thực hiện theo Văn bản số 5990/VPCP-KSTT ngày 22/8/2024 của Văn phòng Chính phủ.</p>
3.	<p>Tổ chức Hội thảo trên phạm vi toàn quốc nhằm tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả, hiệu quả, các tồn tại, hạn chế và nguyên nhân về triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao trong thời gian qua đối với việc rà soát, công bố và đề xuất đơn giản hóa TTHC nội bộ và đề ra</p>	<p>Văn phòng Chính phủ ghi nhận ý kiến của tỉnh Đồng Nai và sẽ tham mưu cho cấp có thẩm quyền thực hiện vào thời điểm phù hợp.</p>

		phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện trong thời gian tới.	
4.		Có hướng dẫn về phương hướng giải quyết, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc đối với các TTHC nội bộ đã được rà soát, công bố tại các Quyết định của các đơn vị, địa phương trong thời gian qua (phương hướng xử lý các Quyết định công bố TTHC nội bộ đã được Bộ, ngành Trung ương và cấp tỉnh rà soát, ban hành TTHC nội bộ theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ). Phương hướng chuẩn hóa các TTHC nội bộ không thuộc Danh mục do Văn phòng Chính phủ đề xuất và triển khai thực hiện thống nhất, đồng bộ trên toàn quốc.	<p>- Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ, đề nghị các địa phương thực hiện việc công bố, rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ và có cách thức phù hợp để quản lý danh mục, kiểm soát có hiệu quả các TTHC nội bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương (bãi bỏ các Quyết định công bố cũ và thay thế bằng Quyết định mới hoặc ban hành Quyết định công bố bổ sung các TTHC).</p> <p>- Các TTHC không thuộc Danh mục do VPCP tổng hợp thì địa phương tự công bố, rà soát, đơn giản hóa. Nếu các TTHC này là TTHC do địa phương chủ động quy định và thực hiện thì không thể triển khai thống nhất, đồng bộ trên toàn quốc.</p>
5.		Xem xét điều chỉnh Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày ngày 31/10/2017 theo hướng bổ sung quy định về hướng dẫn các nội dung rà soát, công bố và đề xuất đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ bên cạnh nội dung quy định Hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính để làm cơ sở cho việc thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm soát thủ tục hành chính và TTHC nội bộ được thực hiện thống nhất chuẩn hóa, đồng bộ lâu dài.	Văn phòng Chính phủ ghi nhận ý kiến của tỉnh Đồng Nai và sẽ tham mưu cho cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các quy định về kiểm soát thủ tục hành chính vào thời điểm phù hợp.
6.	UBND tỉnh Nghệ An	Thực hiện Công văn số 4035/VPCP-KSTT ngày 02/6/2023 của Văn phòng Chính phủ về việc triển khai Hệ thống theo dõi nhiệm vụ, UBND tỉnh Nghệ An đã đăng ký sử dụng Hệ thống theo dõi nhiệm vụ của Văn phòng Chính phủ. Tuy nhiên, qua thực tiễn triển khai	Việc xây dựng phân hệ theo dõi nhiệm vụ trên hệ thống Quản lý văn bản của UBND tỉnh thuộc thẩm quyền của tỉnh căn cứ trên tình hình thực tiễn và công tác chỉ đạo điều hành của tỉnh. VPCP sẽ phối hợp với UBND tỉnh để hướng dẫn việc kết nối

	<p>thấy rằng việc cập nhật nhiệm vụ, công việc cần phải tải kết quả từ Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh để gắn lên Hệ thống theo dõi nhiệm vụ, có nghĩa là đầu ra của Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh chính là đầu vào của Hệ thống theo dõi nhiệm vụ. Do đó, để giảm bớt công đoạn, thời gian cho người sử dụng Hệ thống theo dõi nhiệm vụ, UBND tỉnh đề nghị được Văn phòng Chính phủ chấp thuận xây dựng Phân hệ theo dõi nhiệm vụ trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh, sau đó sẽ thực hiện kết nối với Hệ thống theo dõi nhiệm vụ của Văn phòng Chính phủ.</p>	<p>giữa hệ thống theo dõi nhiệm vụ của tỉnh với hệ thống theo dõi nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.</p>
7.	<p>Hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Quyết định số 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, thủ tục hành chính bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, theo đó các TTHC về tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thống nhất chung trong một tên lĩnh vực, được công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia là “Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã”. Tuy nhiên, trong Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ lại không có tên lĩnh vực này mà chỉ có các tên lĩnh vực là “Thành lập và hoạt động của hợp tác xã (liên hiệp hợp tác xã) (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)”, “Thành lập và hoạt động của</p>	<p>VPCP đã kiểm tra danh mục lĩnh vực trên CSDLQGTTTC và nhận thấy Bộ KHĐT vẫn đang duy trì 02 lĩnh vực: “Thành lập và hoạt động của hợp tác xã (G05-KD08) (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)”, “Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác (G05-KD-13)”. Do đó, đề nghị Bộ bỏ tích “sử dụng” 02 lĩnh vực này để có cơ sở đồng bộ dữ liệu với HTTBC VPCP.</p>

		<p>hợp tác (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)”. Như vậy dẫn đến không thống nhất về tên lĩnh vực trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ với tên lĩnh vực trên Cổng Dịch vụ Công quốc gia. Do đó, đề nghị Văn phòng Chính phủ chỉnh sửa tên lĩnh vực trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ cho thống nhất với tên lĩnh vực trên Cổng Dịch vụ Công quốc gia.</p>	
8.	UBND tỉnh Hà Giang	<p>Kiến nghị Chính phủ:</p> <p>1. Chỉ đạo các Bộ, ngành Trung ương, UBND các tỉnh, thành phố triển khai sơ kết Đề án “Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC” tại Quyết định 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ, để tiếp tục đẩy mạnh triển khai những nội dung đổi mới mang tính hiệu quả, phù hợp với thực tiễn và tạm dừng giải pháp qua triển khai còn gặp nhiều vướng mắc, chưa phù hợp với thực tế.</p> <p>2. Cho phép tỉnh Hà Giang dừng triển khai nội dung: nguyên tắc mỗi địa bàn hành chính cấp xã, phường chỉ có một Bộ phận Một cửa,..., trên cơ sở bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi, ảnh hưởng đến thẩm quyền giải quyết TTHC. Lý do: Hiện tại tỉnh Hà Giang đã triển khai tại TP Hà Giang, huyện Mèo Vạc, huyện Hoàng Su Phì, huyện Đồng Văn...trong quá trình triển khai gặp một số khó khăn sau: (1) Do vướng quy định về quản lý và sử dụng con dấu không cấp được con dấu ướ số 2 cho UBND các phường, thị trấn triển khai thí điểm và vướng quy định về hộ tịch không thực hiện được việc ủy quyền phê duyệt kết quả giải quyết đối với TTHC “Chứng thực</p>	<p>1. Theo chỉ đạo của Chính phủ, hiện nay đang tổ chức thí điểm mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp. Bên cạnh đó, Bộ Nội vụ đang được giao đánh giá Mô hình Một cửa Một cửa liên thông để đề xuất báo cáo Thủ tướng chính phủ. Theo đó việc sơ kết đánh giá triển khai mô hình Một cửa Một cửa liên thông trong giải quyết TTHC tại các bộ ngành địa phương sẽ được triển khai sau khi thực hiện thí điểm và có đề xuất của Bộ Nội vụ.</p> <p>2. Đề nghị UBND tỉnh Hà Giang nghiên cứu, chủ động tổ chức việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo hướng đổi mới Bộ phận Một cửa, tăng cường tiếp nhận TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính theo chỉ đạo tại Quyết định số 468/QĐ-TTg và quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP, tập huấn nâng cao trình độ nghiệp vụ thực hiện theo phương thức điện tử đối với công chức cấp xã. Đối với thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính, theo quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, phòng tư pháp cấp huyện cũng có thẩm quyền giải quyết và trách nhiệm, theo đó, đề nghị địa phương xem xét lại các quy trình giải quyết để bảo đảm hiệu quả.</p>

	<p>chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận” và “Chứng thực điện tử” từ Chủ tịch UBND phường, thị trấn cho Công tác Tư pháp - Hộ tịch dẫn đến trong quá trình giải quyết hồ sơ TTHC thì Công tác Tư pháp - Hộ tịch phải đi lại nhiều lần để trình ký, đóng dấu đối với các TTHC yêu cầu giải quyết ngay trong ngày và trả kết quả bản giấy. (2) Công chức phường, thị trấn ngoài việc tiếp nhận giải quyết TTHC còn thực hiện các nhiệm vụ khác tại địa phương. (3) Trình độ, năng lực công chức cấp xã còn hạn chế khi thực hiện chuyển từ phương thức làm việc thủ công, bản giấy sang làm việc trên môi trường điện tử.</p>	
9.	<p>Cho phép tỉnh Hà Giang được dừng việc thực hiện quy trình 5 tại chỗ “tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt, đóng dấu và trả kết quả” và 4 tại chỗ “tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt và trả kết quả”. Lý do: các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã triển khai đồng bộ việc thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.</p>	<p>Theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP: điểm a Khoản 1 Điều 37 “Chủ tịch UBND cấp tỉnh trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại địa phương theo quy định tại Nghị định này và quy chế tổ chức hoạt động của Bộ phận Một cửa” và Điều 9 quy định trách nhiệm của người đứng đầu Bộ phận Một cửa Trực tiếp điều hành và chịu trách nhiệm trước người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền về toàn bộ hoạt động của Bộ phận Một cửa. Đề nghị địa phương thực hiện theo thẩm quyền.</p>

Phụ lục X
TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỐI VỚI CÁC BỘ, NGÀNH
THÁNG 9 NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-VPCP ngày tháng năm 2024
của Văn phòng Chính phủ)

Số TT	Bộ, ngành, địa phương kiến nghị	Nội dung đề xuất, kiến nghị
I	Kiến nghị, đề xuất với Bộ Công an	
1.	UBND tỉnh Long An	Đề nghị Bộ Công an cấp mã định danh đúng hạn để giúp địa phương khắc phục tình trạng cấp giấy đăng ký khai sinh cho trẻ em bị chậm, không đảm bảo được thời gian giải quyết trong ngày theo quy định.
II	Kiến nghị, đề xuất với Bộ Giáo dục và Đào tạo	
2.	UBND tỉnh An Giang	Chủ trì rà soát các TTHC của địa phương có quy định phí, lệ phí để thống nhất trên toàn quốc và để các địa phương thuận tiện trong triển khai thực hiện. Trong đó, quan tâm rà soát các thủ tục chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông, Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc, Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học.
III	Kiến nghị, đề xuất với Bộ Giao thông vận tải	
3.	UBND tỉnh Phú Yên	Đề nghị Bộ Giao thông vận tải có hướng dẫn cụ thể việc xác định đơn vị thời hạn giải quyết TTHC “Cấp lại giấy phép lái xe” trong lĩnh vực Đường bộ tại Quyết định số 545/QĐ-BGTVT, để cơ quan giải quyết TTHC ở địa phương thực hiện đúng theo quy định pháp luật và đảm bảo theo hướng dẫn của Bộ Giao thông vận tải. Theo quy định tại Điều 35 Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái và Quyết định số 545/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải đối với TTHC “Cấp lại giấy phép lái xe” thuộc lĩnh vực Đường bộ quy định thời gian giải quyết là “sau 2 tháng + 5 ngày làm việc”. Tuy nhiên, Công Dịch vụ công quốc gia đang thiết lập thời gian thực hiện là “sau 60 ngày + 5 ngày làm việc”. Do đó, dẫn đến việc cơ quan giải quyết TTHC của Tỉnh gặp vướng khi xử lý hồ sơ, giải quyết TTHC “Cấp lại giấy phép lái xe” khi thực hiện đơn vị tính “sau 2 tháng” được hiểu khác với “sau 60 ngày”.
4.	UBND tỉnh An Giang	Hỗ trợ sớm thực hiện việc đồng bộ dữ liệu giữa phần mềm chuyên ngành với Công dịch vụ công quốc gia, đồng thời sớm hướng dẫn việc thực hiện kết nối dữ liệu giữa hệ thống cấp giấy phép lái xe với hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (Công văn số

		611/SGTVT-QLVTPT&NL ngày 20/3/2024 của Sở Giao thông vận tải) đảm bảo việc đồng bộ dữ liệu giữa các phần mềm, tránh làm ảnh hưởng đến kết quả chỉ số công khai, minh bạch của đơn vị và của tỉnh theo Quyết định số 766/QĐ-TTg.
5.	UBND tỉnh Đắc Lắc	a) Nâng cấp phần mềm quản lý giấy phép lái xe, để các địa phương giải quyết các TTHC theo trình tự, các bước đã được công bố tại Quyết định công bố TTHC của Bộ, nhằm đảm bảo công chức xử lý không phải thao tác nhiều lần trên các hệ thống. Bộ Giao thông vận tải tiếp tục chia sẻ, đồng bộ CSDL về giải quyết TTHC từ phần mềm chuyên ngành với Cổng dịch vụ công Quốc gia theo thời gian thực theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 25 của Thông tư số 01/2023/TT-VPCP.
6.		b) Nghiên cứu bổ sung thêm trường hợp đổi giấy phép mô tô bằng vật liệu giấy đã được cấp trước đây. Vì, hiện thủ tục cấp đổi giấy phép lái xe thực hiện ở phần mềm dịch vụ công của Bộ Giao thông vận tải https://dvc4.gplx.gov.vn chỉ đổi giấy phép lái xe bằng vật liệu PET (thẻ nhựa) cho các trường hợp hỏng, đến hạn, sai thông tin trong giấy phép lái xe.
7.	UBND tỉnh Đồng Nai	Nhằm tạo điều kiện hỗ trợ người dân, giảm tải áp lực cho Bộ phận một cửa các cấp, UBND tỉnh Đồng Nai kiến nghị Bộ Giao thông vận tải xem xét, đề xuất điều chỉnh các văn bản quy định để triển khai phương án giải quyết thủ tục hành chính cấp đổi Giấy phép lái xe đối với xe 02 bánh bằng hình thức trực tuyến.
8.	UBND tỉnh Vĩnh Long	Kiến nghị Bộ Giao thông vận tải có hướng dẫn cụ thể việc thực hiện Luật Đấu thầu năm 2023 đối với các hàng hóa có tính đặc thù.
IV	Kiến nghị, đề xuất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
9.	UBND tỉnh Quảng Trị	<p>Khó khăn, vướng mắc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc trả kết quả các thủ tục liên quan đến đăng ký hộ kinh doanh (cấp mới, thay đổi nội dung, cấp lại) kết quả là Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được in theo quy định trên mẫu phôi của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành, theo đó kết quả trả cho người dân, doanh nghiệp vẫn phải áp dụng theo hai hình thức vừa phải trả bản giấy, đồng thời vừa phải chuyển trả kết quả bằng bản điện tử. - Hệ thống đăng ký kinh doanh và Hệ thống thông tin giải quyết của tỉnh chưa được liên thông dẫn đến phải thực hiện nhiều bước chuyển hồ sơ. Hiện nay nhiều người dân chưa quen với việc sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, một số người dân chưa được định danh mức độ 2 dẫn đến khó khăn cho việc thực hiện nộp hồ sơ TTHC. <p>Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thống nhất một hình thức trả kết quả cho người dân, doanh nghiệp đối với một số thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực đăng ký



		kinh doanh như: Đăng ký thành lập hộ kinh doanh; Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh; Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.
10.		+ Tích hợp phần mềm cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh thực hiện trên hệ thống phần mềm “https:dangnhap.dkcd.gov.vn” với phần mềm giải quyết thủ tục hành chính tỉnh để công chức có thể xuất biên lai điện tử và thống nhất trong việc báo cáo số liệu.
V	Kiến nghị, đề xuất với Bộ Khoa học và Công nghệ	
11.	UBND tỉnh Long An	Ngày 13/9/2024, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quyết định số 2324/QĐ-BKHCN quy định danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa đối với thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ; tuy nhiên, trong Phụ lục II Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa đối với thủ tục hành chính cấp tỉnh quy định phải số hóa các mẫu đơn, tờ khai là chưa phù hợp với quy định.
12.	UBND tỉnh An Giang	Rà soát lại thời gian giải quyết giữa mục a) Trình tự thực hiện và mục d) Thời hạn giải quyết của các TTHC được công bố theo Quyết định số 1915/QĐ-BKHCN ngày 28/8/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ là ngày hay ngày làm việc để cập nhật thống nhất giữa Cổng Dịch vụ công Quốc gia và Cổng Dịch vụ công của tỉnh.
VI	Kiến nghị, đề xuất với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	
13.	UBND tỉnh An Giang	Hỗ trợ sớm thực hiện việc đồng bộ dữ liệu mà địa phương xử lý trên Hệ thống của Bộ (phần mềm chuyên ngành) với Cổng dịch vụ công quốc gia phục vụ đánh giá chỉ số công khai, minh bạch của tỉnh theo thời gian thực trên môi trường điện tử theo Quyết định 766/QĐ-TTg (Công văn số 1237/UBND-TH ngày 10/9/2024).
14.	UBND tỉnh Nghệ An	Ngày 18/12/2023, UBND tỉnh Nghệ An đã ban hành Quyết định số 4213/QĐ-UBND về phê duyệt Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực việc làm trên địa bàn tỉnh Nghệ An, gửi Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát thủ tục hành chính), Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội. Kiến nghị của tỉnh nêu tại Phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính lĩnh vực việc làm trên địa bàn tỉnh Nghệ An đối với thủ tục “Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (mã số 2.000192) – trường hợp bị mất giấy phép” như sau: “Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ là “Trường hợp giấy phép lao động bị mất thì phải có xác nhận của cơ quan Công an cấp xã của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài theo quy định của pháp luật” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 13 Nghị định số

		<p>152/2020/NĐ-CP, lý do:</p> <p>Việc yêu cầu xác nhận của cơ quan Công an cấp xã của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài theo quy định của pháp luật tạo nên thủ tục con trong thủ tục hành chính này. Để có được xác nhận của cơ quan Công an cấp xã của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài theo quy định của pháp luật thì người lao động phải tới cơ quan công an cấp xã của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài để xác nhận, trong khi thực tiễn cho thấy rằng chính công an cấp xã của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cũng không thể xác nhận liệu giấy tờ đó có bị mất thật hay không? Mặt khác, việc đi lại sẽ làm mất thời gian của người có yêu cầu. Do đó, việc xác nhận là không cần thiết.”</p> <p>Ngày 28/5/2024, UBND tỉnh nhận được Công văn số 2251/BLĐTBXH-VP về trả lời kết quả rà soát, đề xuất phương án đơn giản hoá TTHC của các địa phương, trong đó tại cột Ý kiến trả lời của số thứ tự 2 Mục VIII của Phụ lục nội dung phương án đơn giản hoá và ý kiến trả lời tổng hợp của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội “Đề nghị giữ nguyên, không bỏ Phiếu Lý lịch tư pháp tại thời điểm hiện tại”.</p> <p>Như vậy, ý kiến trả lời của Bộ chưa đề cập đến việc nội dung trong kiến nghị đơn giản hoá của tỉnh. Mặt khác, qua nghiên cứu các thủ tục hành chính do các Bộ công bố, công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia về cấp lại giấy phép/giấy chứng nhận/chứng chỉ,... trong trường hợp bị mất (kể cả giấy tờ quan trọng như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) đã không còn quy định về thành phần hồ sơ là “Xác nhận của cơ quan Công an các cấp hoặc cơ quan khác về bị mất giấy phép/giấy chứng nhận/chứng chỉ”.</p> <p>Do đó, kiến nghị Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Văn phòng Chính phủ nghiên cứu đề nghị bỏ thành phần hồ sơ là “Trường hợp giấy phép lao động bị mất thì phải có xác nhận của cơ quan Công an cấp xã của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài theo quy định của pháp luật” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 13 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP.</p>
15.	UBND tỉnh Vĩnh Long	Kiến nghị Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội cho kết nối, đồng bộ dữ liệu giữa phần mềm Bảo hiểm thất nghiệp và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.
VII	Kiến nghị, đề xuất với Bộ Nội vụ	
16.	UBND tỉnh Bạc Liêu	Thực hiện Công văn số 4223/BNV-TGCP ngày 21/7/2024 của Bộ Nội vụ về việc triển khai thực hiện Quyết định số 491/QĐ-BNV ngày 10/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và thực hiện phân cấp giải quyết TTHC. Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn nghiên cứu, tham mưu triển khai thực hiện việc xây dựng, soạn thảo

		<p>hồ sơ trình UBND tỉnh ban hành Quyết định phân cấp cho Ban Dân tộc và Tôn giáo thực hiện đối với 02 TTHC cấp tỉnh; giao UBND cấp huyện chỉ đạo, ban hành Quyết định phân cấp cho Phòng Dân tộc thực hiện đối với 03 TTHC cấp huyện. Tuy nhiên, nội dung này không thể thực hiện được do Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung năm 2019, không có quy định cơ quan chính quyền cấp tỉnh, cấp huyện phân cấp cho cơ quan chuyên môn cùng cấp.</p> <p>Để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ phân cấp trong giải quyết TTHC đúng quy định pháp luật, UBND tỉnh Bạc Liêu đề nghị Bộ Nội vụ quan tâm, hướng dẫn địa phương thực hiện phân cấp trong giải quyết TTHC đối với 05 TTHC nêu tại Công văn số 4223/BNV-TGCP ngày 21/7/2024 của Bộ Nội vụ.</p>
17.	UBND tỉnh Vĩnh Long	<p>Kiến nghị Bộ Nội vụ điều chỉnh tên lĩnh vực trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, cụ thể là: điều chỉnh lĩnh vực “Tôn giáo Chính phủ” thành lĩnh vực “Tín ngưỡng, tôn giáo” theo quy định tại Quyết định số 491/QĐ-BNV ngày 10/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ</p>
18.	UBND tỉnh Tây Ninh	<p>Kiến nghị Bộ Nội vụ công bố tên các TTHC trên giấy và tên TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia khớp với nhau như lĩnh vực công chức, viên chức, lĩnh vực tôn giáo... để thuận tiện trong công tác công bố danh mục và quy trình nội bộ giải quyết TTHC tại địa phương và dễ dàng trong công tác rà soát mã TTHC.</p>
VIII	Kiến nghị, đề xuất với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
19.	UBND tỉnh Hải Dương	<p>Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa thời hạn giải quyết TTHC “Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn” theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị Định 13/2020/NĐ-CP ngày 01/10/2020 của Chính phủ.</p>
20.	UBND tỉnh Sóc Trăng	<p>Trong quá trình thực hiện 02 TTHC lĩnh vực Kiểm lâm mà cơ quan có thẩm quyền quyết định là Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể là TTHC “Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác” (mã số TTHC: 1.012692) và “Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác” (mã số TTHC 3.000152) do phụ thuộc vào các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh nên khó khăn trong việc giải quyết theo thời hạn cố định đã quy định:</p> <p>“+ Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chủ trương/điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>

		<p>+ Trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chủ trương/điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 48 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.”</p> <p>Do đó, tỉnh đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, điều chỉnh thời hạn giải quyết của 02 TTHC nêu trên theo hướng không tính thời gian chờ diễn ra kỳ họp Hội đồng nhân tỉnh vào tổng thời gian giải quyết hồ sơ.</p>
IX	Kiến nghị, đề xuất với Bộ Tài nguyên và Môi trường	
21.	UBND tỉnh An Giang	Sớm có Quyết định công bố mức độ dịch vụ công trực tuyến đối với các TTHC lĩnh vực đất đai theo quy định tại điều 55 Nghị định 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai để tạo cơ sở cho địa phương áp dụng thống nhất, đồng bộ.
22.	UBND tỉnh Nghệ An	<p>Khoản 3 Điều 18 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất quy định “Miễn tiền sử dụng đất đối với đất ở trong hạn mức giao đất ở (bao gồm giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận cho người đang sử dụng đất) đối với hộ gia đình, người có công với cách mạng mà thuộc đối tượng được miễn tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về người có công”; Khoản 4, Điều 19 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định “Giảm tiền sử dụng đất đối với đất ở trong hạn mức giao đất ở (bao gồm giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận cho người đang sử dụng đất) đối với người có công với cách mạng mà thuộc diện được giảm tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về người có công”. Về hạn mức giao đất ở trong trường hợp miễn, giảm tiền sử dụng đất cho người có công sẽ có 02 cách hiểu:</p> <p>Cách hiểu thứ nhất, trường hợp người sử dụng đất có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất nhưng tổng diện tích đất ở của cá nhân đã có cộng với diện tích cá nhân có nhu cầu chuyển mục đích không vượt quá hạn mức do UBND tỉnh quy định thì được miễn hoặc giảm tiền sử dụng đất.</p> <p>Ví dụ 1: Năm 2000, ông A nhận chuyển nhượng một thửa đất có diện tích 300m² ở thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An và đã được cấp Giấy chứng nhận. Thửa đất có 100m² đất ở và 200 m². đất vườn.</p> <p>Năm 2024, ông A làm hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất đối với 150 m² đất vườn thành đất ở. Theo quy định của UBND tỉnh Nghệ An thì hạn mức giao đất ở đối với thành phố Vinh là 150 m². Trường hợp</p>

		<p>này ông A chỉ được miễn, giảm tiền sử dụng đất quy định của pháp luật về người có công đối với diện tích 50m bởi vì ông đã có 100m đất ở và tổng diện tích đất ở phù hợp với hạn mức do UBND tỉnh quy định.</p> <p>Ví dụ 2: Năm 2000, ông A nhận chuyển nhượng một thửa đất có diện tích 300m² ở thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An và đã được cấp Giấy chứng nhận. Thửa đất có 150m² đất ở và 150 m². đất vườn.</p> <p>Năm 2024, ông A làm hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất đối với 150 m² đất vườn thành đất ở. Theo quy định của UBND tỉnh Nghệ An thì hạn mức giao đất ở đối với thành phố Vinh là 150 m². Trường hợp này ông A không được miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về người có công bởi vì thửa đất của ông đã có 150m đất ở nay ông đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất đối với 150m thì sẽ vượt hạn mức giao đất ở do UBND tỉnh quy định.</p> <p>Cách hiểu thứ hai: trường hợp người sử dụng đất có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất và diện tích đề nghị chuyển mục đích trong hạn mức giao đất ở do UBND tỉnh quy định thì được được miễn hoặc giảm tiền sử dụng đất.</p> <p>Ví dụ 1: Năm 2000, ông A nhận chuyển nhượng một thửa đất có diện tích 300m² ở thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An và đã được cấp Giấy chứng nhận. Thửa đất có 150m² đất ở và 150 m². đất vườn.</p> <p>Năm 2024, ông A làm hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất đối với 150 m² đất vườn thành đất ở. Theo quy định của UBND tỉnh Nghệ An thì hạn mức giao đất ở đối với thành phố Vinh là 150 m². Trường hợp này ông A được miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về người có công bởi vì diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong hạn mức giao đất ở do UBND tỉnh quy định.</p> <p>Ví dụ 2: Năm 2000, ông A nhận chuyển nhượng một thửa đất có diện tích 300m² ở thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An và đã được cấp Giấy chứng nhận. Thửa đất có 100m² đất ở và 200 m². đất vườn.</p> <p>Năm 2024, ông A làm hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất đối với 200 m² đất vườn thành đất ở. Theo quy định của UBND tỉnh Nghệ An thì hạn mức giao đất ở đối với thành phố Vinh là 150 m². Trường hợp này ông A chỉ được miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về người có công đối với diện tích 150m bởi vì diện tích này phù hợp với hạn mức giao đất ở do UBND tỉnh quy định.</p> <p>Vi vậy, đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các Bộ, ngành liên quan quy định rõ hơn như thế nào là trong hạn mức giao đất ở để địa phương triển khai thực hiện đảm bảo quyền lợi của người có công theo quy định của pháp luật về người có công.</p>
23.	UBND tỉnh Hà Tĩnh	<p>Kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường:</p> <p>Rà soát, công bố bổ sung các TTHC lĩnh vực đất đai tại Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>

trường về việc công bố TTHC trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; cụ thể các TTHC sau:

+ Đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp sở:

1. Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp.
2. Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi.
3. Đăng ký đất đai đối với trường hợp chuyển nhượng dự án bất động sản.

+ Đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện:

1. Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi.

+ Đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (hộ gia đình, cá nhân):

1. Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
2. Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng.
3. Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hằng năm.
4. Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng.
5. Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên.
6. Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký.
7. Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều



		<p>chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p> <p>8. Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>9. Cấp đổi Giấy chứng nhận.</p> <p>10. Tách thửa hoặc hợp thửa đất.</p> <p>11. Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp.</p> <p>12. Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01/8/2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định.</p> <p>13. Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản.</p> <p>14. Đăng ký đất đai đối với trường hợp chuyển nhượng dự án bất động sản.</p> <p>15. Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông.</p>
24.	UBND tỉnh Hà Giang	<p>Kiến nghị cho phép tỉnh Hà Giang được thí điểm thực hiện việc ủy quyền phê duyệt kết quả giải quyết đối với TTHC “Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận” và “Chứng thực điện tử” từ Chủ tịch UBND cấp xã cho Công tác Tư pháp - Hộ tịch để giảm thời gian giải quyết TTHC, thuận lợi trong việc chứng thực điện tử, giải quyết TTHC trên môi trường điện tử (số hóa, dịch vụ công trực tuyến).</p>
25.	UBND tỉnh Đồng Nai	<p>Để đảm bảo cho việc theo dõi, giám sát, thống kê TTHC theo quy định, kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc gỡ bỏ mã thủ tục hành chính 2.000379 (Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm) lĩnh vực đất đai cấp huyện trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC do mã TTHC đã bị thay thế bởi Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>

		trường.
26.	UBND tỉnh Vĩnh Long	Kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thẩm quyền quyết định đối với nhóm thủ tục Cấp giấy phép môi trường, do theo quy định tại Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường là thẩm quyền chung (UBND tỉnh), nhưng mẫu số 40 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT là thẩm quyền riêng (Chủ tịch UBND tỉnh).
X	Kiến nghị, đề xuất với Bộ Thông tin và Truyền thông	
27.	UBND tỉnh Đồng Nai	Để đảm bảo việc đầu tư dự án thực hiện các thủ tục đầu tư theo hình thức mua sắm đối với Trục liên thông tỉnh Đồng Nai, UBND tỉnh Đồng Nai kính đề nghị Văn phòng Chính phủ có hướng dẫn cụ thể và xác định thời gian công bố danh mục ngành đối với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh; đảm bảo quy định tại Khoản 1, Điều 5a, Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ; làm cơ sở để lập dự toán năm 2025, thuê dịch vụ công nghệ thông tin theo quy định, đảm bảo sau khi các quy định liên quan về thẩm quyền đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ công nghệ thông tin ban hành đầy đủ, tỉnh có thể triển khai ngay các nội dung mua sắm, thuê dịch vụ theo quy định.
XI	Kiến nghị, đề xuất với Bộ Tư pháp	
28.	UBND tỉnh An Giang	Trong thời gian qua, tỉnh nhận được nhiều phản ánh của người dân về việc người dân đã đăng ký kết hôn vào tháng 04/2023 tuy nhiên dữ liệu chưa kết nối, chia sẻ giữa phần mềm Hộ tịch của Bộ Tư pháp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư do Bộ Công an quản lý nên khi người dân tra cứu thông tin trên cổng dịch vụ công quốc gia (đăng nhập qua tài khoản VneID) thì tình trạng hôn nhân vẫn thể hiện là độc thân. Do đó, kiến nghị Bộ Tư pháp quan tâm phối hợp với Bộ công an sớm có giải pháp thực hiện đồng bộ dữ liệu giữa các Hệ thống.
29.	UBND thành phố Đà Nẵng	Kính đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu giải pháp để Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch dùng chung tự động chuyên thông tin trạng thái hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC về Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh để bảo đảm hiệu năng của hệ thống, tính kịp thời của việc xử lý hồ sơ và đúng theo quy định tại Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ.
30.	UBND tỉnh Long An	Đề nghị Bộ Tư pháp có văn bản hướng dẫn địa phương cách xử lý đối với nội dung vướng mắc “trong mẫu khai đăng ký khai sinh của những hồ sơ đăng ký khai sinh phát sinh trong năm 2015 và 2016 không có quê quán của cha, mẹ; hiện nay, khi làm căn cước, cơ quan công an yêu cầu phải có thông tin quê quán của cha, mẹ.
31.	UBND tỉnh Thừa Thiên –	Kiến nghị Bộ Tư pháp:



	Huế	<p>a) Sớm ban hành Quyết định công bố Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa đối với thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Tư pháp tho quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 4 của Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, quy định “b) Thành phần hồ sơ phải số hóa theo quy định của pháp luật chuyên ngành” để tạo điều kiện cho địa phương làm căn cứ thực hiện việc số hoá hồ sơ theo quy định.</p> <p>b) Báo cáo Chính phủ xem xét, sửa đổi việc lưu trữ kết quả giải quyết TTHC theo quy định Điều 14 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/2/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch quy định lưu trữ hồ sơ chứng thực chữ ký, hồ sơ chứng thực hợp đồng, giao dịch phù hợp với quy định tại Khoản 10 Điều 1 Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, quy định (sửa đổi, bổ sung Khoản 5 Điều 20 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP) như sau:</p> <p>“5. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân được lưu trữ tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh để phục vụ việc tích hợp, chia sẻ, tra cứu thông tin, dữ liệu, sử dụng để thực hiện các thủ tục hành chính khác theo quy định của pháp luật.”.</p> <p>Đồng thời, theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ về quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.</p> <p>Điều 4. Các giấy tờ, tài liệu thuộc phạm vi thực hiện số hóa</p> <p>“3. Kết quả giải quyết của thủ tục hành chính còn hiệu lực theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.”</p>
32.	UBND tỉnh Quảng Bình	<p>Trong thời gian qua, UBND tỉnh Quảng Bình nhận được phản ánh, kiến nghị của một số đơn vị, địa phương và cá nhân, tổ chức về nội dung công bố thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp tại quyết định số 1235/QĐ-BTP ngày 01/7/2024 của Bộ Tư pháp công bố TTHC sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tư pháp và được công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (UBND Quảng Bình đã có văn bản kiến nghị số 1619/UBND-KSTT ngày 30/8/2024 nhưng đến nay vẫn chưa có</p>

		phản hồi của Bộ Tư pháp).
XII	Kiến nghị, đề xuất với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
33.	UBND tỉnh Nghệ An	Một số TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ được công khai trên Cổng dịch vụ công Quốc gia chưa chính xác theo các Quyết định công bố: Số 305/QĐ-BVHTTDL ngày 5/02/2024, số 1158/QĐ-BVHTTDL ngày 25/4/2024, số 1739/QĐ-BVHTTDL ngày 27/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về công bố thủ tục hành chính ban hành mới, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thi đua khen thưởng thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Cụ thể: Căn cứ pháp lý của các TTHC không đầy đủ. Mã số TTHC 1.001376 và 1.001108 thiếu Nghị định số 61/2024/NĐ-CP ngày 06/6/2024 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”; Mã số 1.001032 và 1.000971 thiếu Nghị định số 93/2023/NĐ-CP ngày 25/12/2023 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể; Mã số 1.000871 và 1.000564 thiếu Nghị định số 36/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ quy định chi tiết xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật). Đề nghị công khai chính xác theo quyết định công bố của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
34.	UBND tỉnh Vĩnh Long	Kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: - Điều chỉnh, bổ sung hướng dẫn thành phần hồ sơ đối với hình thức nộp hồ sơ trực tuyến như: scan; chụp bản chính; không photo chứng thực; file ảnh chân dung; file ảnh thực tế sự vật, sự việc; file âm thanh, video, đường link liên kết dẫn đến các dữ liệu cần nộp trong thành phần hồ sơ;... để người dân hiểu và làm cơ sở pháp lý cho Bộ phận Một cửa thuận lợi trong việc hướng dẫn, hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Nếu nộp bản photo chứng thực thì cần quy định cụ thể thời hạn được sử dụng để nộp (06 tháng, 01 năm, 02 năm,...) tính đến thời điểm nộp hồ sơ.
35.		- Đối với Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích và Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích, kiến nghị không cần nộp lại Giấy chứng nhận hoặc Chứng chỉ đã hết hạn, chỉ cần scan bản chính, đính kèm file Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích hoặc Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích đã được cấp lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh khi nộp hồ sơ trực tuyến trong trường hợp Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích do hết hạn sử dụng nhưng không bổ sung nội dung hành nghề.
XIII	Kiến nghị, đề xuất với Bộ Xây dựng	



36.	UBND tỉnh Điện Biên	<p>Đề nghị Bộ Xây dựng kịp thời công bố mới, sửa đổi, bổ sung các TTHC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc: đã được quy định sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Thông tư số 172/2016/TT-BTC bằng Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư hết hiệu lực thi hành; - Thủ tục công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng: Thông tư số 19/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hết hiệu lực thi hành và được thay thế bởi Thông tư số 04/2023/TT-BXD ngày 30/6/2023 về QCVN16:2023/BXD về Vật liệu xây dựng.
37.	UBND tỉnh Thanh Hóa	Đề nghị Bộ Xây dựng bổ sung thẩm quyền cấp tỉnh trên CSDL TTHC quốc gia đối với các TTHC theo Nghị định 84/2024/NĐ-CP để Thành phố cấp nhật TTHC.trên CSDL
XIV	Kiến nghị, đề xuất với Bộ Y tế	
38.	UBND tỉnh Hải Dương	Xem xét danh mục TTHC toàn trình thuộc thẩm quyền cấp tỉnh được Bộ Y tế ban hành tại Quyết định số 2570/QĐ-BYT ngày 27 tháng 8 năm 2024 về công bố danh mục TTHC toàn trình (thủ tục Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám, điều trị bệnh nghề nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Y tế có mã 1.008069 đã bị bãi bỏ tại Quyết định số 159/QĐ-BYT ngày 18/01/2024).